TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 6 - 2025.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và ông Chu Quang Cường

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án thị xã H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn C, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Cao Văn Â, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khai:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn Â kết hôn với nhau vào ngày 11/7/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau

khi kết hôn vợ chồng xẩy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cải vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thể hàn gắn. Chị T và anh Â đã ly thân nhiều lần nhưng sau đó lại quay về với nhau. Lần gần đây nhất là từ năm 2014 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Cao Văn Â.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn Â có ba con chung là Cao Thị L, sinh ngày 01/8/2009, Cao Thị U, sinh ngày 26/02/2011 và Cao Văn V, sinh ngày 27/12/2014. Trong đơn khởi kiện chị T đề nghị giao 03 con chung cho anh Â trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu đề nghị T1 án giao con chung Cao Thị L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao hai con chung cho anh Â nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị bị ốm đau, chưa có việc làm và tài sản của gia đình chị để lại cho anh Â. Hiện chị T đang đi làm công ty da giày ở tỉnh Thanh Hóa lương mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Hiện tại anh Â đang làm thợ mộc thu nhập mỗi tháng bao nhiêu thì chị T không biết.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Cao Văn Â có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Cao Văn Â nhưng anh Â không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, không có lời khai của anh Cao Văn Â.

- Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn Â: Chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn Â mâu thuẫn vợ chồng khoảng 5 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hay xẩy ra cãi vả. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q sinh sống mấy năm nay. Hiện nay anh Â đang sinh sống cùng ba con chung tại thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Anh Â đang làm nghề thợ mộc, có chỗ ở ổn định.

- Ý kiến của 03 con chung Cao Thị L, Cao Thị U và Cao Văn V: Các cháu có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được ở với bố là Cao Văn Â vì hiện nay các cháu đang ở với bố. Ở với bố các cháu được bố quan tâm, yêu thương, chăm sóc, các cháu có chỗ ở ổn định và thuận tiện trong việc học tập tại xã Q.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Việm kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Cao Văn Â.

2. Về con chung: Giao ba con chung là Cao Thị L, sinh ngày 01/8/2009, Cao Thị U, sinh ngày 26/02/2011 và Cao Văn V, sinh ngày 27/12/2014 cho anh Cao Văn Â trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Cao Văn Â có nơi cư trú tại Thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Phiên tòa lần thứ nhất bị đơn anh Cao Văn Â đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, bị đơn anh Cao Văn Â được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn Â kết hôn với nhau vào ngày 11 tháng 7 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An). Đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn Â phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên hay xảy ra cãi vã. Chị T và anh Â đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm

2019 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Â đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Cao Văn Â.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn Â có 03 con chung là Cao Thị L, sinh ngày 01/8/2009, Cao Thị U, sinh ngày 26/02/2011 và Cao Văn V, sinh ngày 27/12/2014. Tại phiên tòa chị T xin được giao quyền nuôi con chung là Cao Thị L và đề nghị giao hai con chung còn lại cho anh Â nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay ba con chung hiện nay đang ở với anh Â. Anh Â đang làm nghề mộc, có nhà cửa ổn định. Cả ba con chung đều có nguyện vọng được ở với anh Â khi bố mẹ ly hôn vì các cháu đang ở với anh Â, được anh Â quan tâm, yêu thương, chăm sóc và thuận tiện trong việc học tập, sinh sống tại Q. Các con chung gắn bó với anh Â hơn chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, không làm xáo trộn cuộc sống, đảm bảo tâm lý của con chung và nguyện vọng của các con chung được ở cùng anh chị em. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao ba con chung là Cao Thị L, Cao Thị U và Cao Văn V cho anh Cao Văn Â trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình "cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con". Tuy anh Cao Văn Â không trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên nhằm bảo vệ quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi cpon chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/một con chung. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 7 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

[5]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Cao Văn Â vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[8]. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Cao Văn Â. Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 11 tháng 7 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An) không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao ba con chung là Cao Thị L, sinh ngày 01/8/2009, Cao Thị U, sinh ngày 26/02/2011 và Cao Văn V, sinh ngày 27/12/2014 cho anh Cao Văn Â trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/mỗi con chung từ tháng 7 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án

dân sự thị xã Hoàng Mai theo biên lai số 0004382 ngày 17/4/2025. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Cao Văn Â vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS tx Hoàng Mai;
- Lưu HS;
- UBND xã Quỳnh Lộc

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Lĩnh